

## C.MÁC - TỪ TƯ DUY CÁCH MẠNG ĐẾN CUỘC CÁCH MẠNG TƯ DUY

ThS. ĐÀM THỊ HỒNG

*Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình*

● **Tóm tắt:** Tuổi trẻ của C.Mác là hành trình học tập và đấu tranh đầy nhiệt huyết, gắn chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn. Tư duy của ông không chỉ mang tính cách mạng mà còn là một cuộc cách mạng, nơi tri thức chuyển hóa thành hành động vì lý tưởng giải phóng nhân loại. Cuộc cách mạng tư duy của C.Mác là sự chuyển biến căn bản trong cách tiếp cận hiện thực xã hội - từ tư duy trừu tượng sang tư duy gắn liền với thực tiễn, từ triết học thuần túy sang lý luận hành động. Đây là tiền đề cho sự ra đời của học thuyết chủ nghĩa cộng sản khoa học, còn gọi là chủ nghĩa xã hội khoa học - học thuyết kinh tế - chính trị - xã hội, với tư tưởng trung tâm là giải phóng con người thông qua đấu tranh giai cấp và cải tạo xã hội. Cuộc cách mạng tư duy ấy tiếp tục truyền cảm hứng cho phong trào cách mạng toàn thế giới, trở thành một di sản tư tưởng có ý nghĩa vượt thời đại.

● **Từ khóa:** C.Mác; Tư duy cách mạng; Cách mạng tư duy; Triết học.

Trong dòng chảy lịch sử tư tưởng nhân loại, C.Mác không chỉ là một nhà tư tưởng vĩ đại mà còn là người khởi xướng một cuộc cách mạng tri thức toàn diện, thay đổi tận gốc cách nhìn về con người, xã hội và tiến trình phát triển của lịch sử loài người. Từ một học giả trẻ xuất thân từ truyền thống tri thức phương Tây, C.Mác đã vượt qua giới hạn của chủ nghĩa duy tâm, từng bước xây dựng hệ tư tưởng mang tính cách mạng, đặt nền móng cho chủ nghĩa cộng sản khoa học. Hành trình ấy là sự kết hợp giữa tư duy cách mạng và cuộc cách mạng trong chính tư duy - một tiến trình chuyển hóa tri thức thành hành động, lý tưởng thành hiện thực với ý nghĩa vượt thời đại.

### 1. Tư duy cách mạng của C.Mác

Tuổi trẻ của C.Mác không chỉ mang dáng dấp của một học giả say mê nghiên cứu, mà còn là hình ảnh của một chiến sĩ tư tưởng dũng cảm, không ngừng tìm kiếm con đường giải phóng con người thoát khỏi mọi hình thức áp bức, bất công. C.Mác (1818-1883) sinh ra trong một gia đình trí thức tại thành phố Trier, Đức, đã sớm được tiếp xúc với nền giáo dục cổ điển châu Âu. Hành trình học tập của C.Mác từ thuở thiếu thời đến khi trở thành tiến sĩ triết học không chỉ là quá trình tiếp thu tri thức mà còn là hành trình chuyển hóa nhận thức, hình thành nhân sinh quan và thế giới quan cách mạng. Trong tiến trình ấy, những lựa chọn về học vấn, triết lý sống và định hướng nghiên cứu của C.Mác đã cho thấy sự vận động biện chứng nội tại giữa lý tưởng

nhân văn sâu sắc và nhu cầu nhận thức hiện thực khách quan của thời đại - điều này làm nên tâm vóc vĩ đại của một nhà tư tưởng cách mạng chưa từng có trong lịch sử.

Ngay từ thời trung học tại trường Friedrich Wilhelm Gymnasium, C.Mác đã bộc lộ tư duy triết học và cảm quan xã hội nhạy bén. Bài luận tốt nghiệp trung học với câu nói nổi tiếng về nghề nghiệp và sự cống hiến cho nhân loại không đơn thuần là cảm hứng tuổi trẻ, mà là một tuyên ngôn lý tưởng sống sâu sắc. “Nếu chúng ta đã lựa chọn một nghề mà trong đó chúng ta có thể lao động nhiều nhất cho loại người thì chúng ta sẽ không cúi đầu, vằn lưng dưới gánh nặng của nó, bởi gánh nặng ấy là sự hy sinh vì mọi người; khi ấy điều chúng ta cảm nhận được không phải là một niềm vui thảm hại, hạn hẹp, ích kỷ, mà niềm hạnh phúc của chúng ta sẽ thuộc về hàng triệu người”<sup>1</sup>. Nó cho thấy, C.Mác đã định hình từ rất sớm quan điểm về mối liên hệ giữa hạnh phúc cá nhân với trách nhiệm xã hội. Trong hoàn cảnh xã hội châu Âu thời đó, nơi chủ nghĩa tư bản đang mạnh mẽ phát triển và các mâu thuẫn giai cấp bắt đầu lộ rõ, lý tưởng vị nhân sinh mà C.Mác lựa chọn đã trở thành nền tảng đạo đức cho toàn bộ sự nghiệp cách mạng sau này của ông. Đó không chỉ là lời tuyên ngôn của tuổi trẻ, mà chính là điểm khởi đầu của một tư duy cách mạng: Tư duy không tách rời xã hội, đồng hành cùng hiện thực để phản ánh và cải tạo hiện thực ấy.

Ban đầu, C.Mác theo học ngành luật tại Đại học Bonn theo định hướng của cha, một luật sư có tư tưởng tiến bộ. Tuy nhiên, môi trường học thuật ở Thủ đô Berlin với sự hiện diện của trường phái Hêghen đã thu hút ông chuyển sang nghiên cứu triết học. Việc tiếp cận hệ thống tư duy của Hêghen - vốn xem lịch sử là quá trình tự phát triển của tinh thần tuyệt đối đã để lại ảnh hưởng rất lớn đến cách nhìn lịch sử và xã hội của C.Mác (mặc dù sau đó C.Mác

vượt qua tư tưởng duy tâm của Hêghen và phê phán tư tưởng này để tìm kiếm một hệ tư tưởng mang tính cách mạng và hiện thực hơn).

Sự tham gia của C.Mác vào nhóm “Hêghen trẻ” là bước khởi đầu quan trọng trong hành trình trí tuệ của ông, đánh dấu sự tiếp cận với tinh thần biện chứng và tư duy phê phán. Trong môi trường học thuật đầy sôi động này, C.Mác cùng các thành viên khác của nhóm đã đẩy mạnh việc phê phán tôn giáo, chế độ quân chủ chuyên chế, nhà thờ và các định chế phong kiến lỗi thời, dựa trên nền tảng triết học Hêghen. Tuy nhiên, qua trải nghiệm thực tiễn và cọ xát với các phong trào xã hội lúc bấy giờ, C.Mác dần nhận ra hạn chế của nhóm - đó là dừng lại ở phê phán trừu tượng mà thiếu cơ sở thực tiễn. Từ đó, ông dần chuyển hóa tư duy, tiến về phía một triết học hành động, từ bỏ lối tư duy duy tâm để hướng đến lý luận gắn chặt với thực tiễn xã hội. Chính bước ngoặt lý luận này đã khiến ông vượt qua giới hạn của triết học thuần túy, tiến tới phân tích các mối quan hệ sản xuất, điều kiện vật chất và cơ cấu giai cấp của xã hội. Từ nhận thức rằng “tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội”, C.Mác từng bước đặt nền móng cho một hệ thống tư tưởng mới - chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng, mở đường cho sự ra đời của chủ nghĩa cộng sản khoa học - một lý luận gắn liền với thực tiễn đấu tranh giai cấp và cải tạo thế giới.

Luận án tiến sĩ *Sự khác biệt giữa triết học tự nhiên của Democritus và triết học tự nhiên của Epicurus* là một cột mốc quan trọng trong hành trình học tập, trưởng thành của C.Mác. Trong công trình này, C.Mác không chỉ khẳng định tư tưởng vô thần mà còn bước đầu đặt nền tảng cho việc xây dựng một quan điểm triết học phản ánh hiện thực vật chất, mở đầu cho tư duy duy vật biện chứng. Việc lựa chọn Đại học Jena (Friedrich Schiller Universität Jena) để bảo vệ luận án - thay vì Đại học Berlin

(Universität zu Berlin) không chỉ thể hiện sự mâu thuẫn về tư tưởng với giới học thuật bảo thủ đương thời, mà còn chứng tỏ bản lĩnh độc lập và khát vọng tự do tư tưởng của C.Mác.

Sự nghiệp báo chí của C.Mác, đặc biệt khi làm Tổng Biên tập tờ *Rheinische Zeitung* - một diễn đàn tiên bộ ở Phổ thời bấy giờ đã đưa tư duy cách mạng của ông từ lý luận sang hành động, bởi ông cho rằng, tư duy cách mạng chân chính không đứng ngoài xã hội mà phải nhập cuộc, đồng hành và phản ánh chân thực các mâu thuẫn đang tồn tại. Ông đã tham gia vào các phong trào dân chủ, hòa mình vào dòng chảy hiện thực xã hội thông qua hoạt động báo chí. Tinh thần cách mạng của ông thể hiện rõ nét qua ngòi bút sắc bén phê phán hiện thực bất công của xã hội tư bản đương thời, cổ vũ tinh thần đấu tranh của quần chúng. Chính vì lý tưởng ấy, ông đã bị chính quyền theo dõi và buộc phải từ chức, đánh dấu bước ngoặt đưa ông đến với cuộc sống lưu vong và hoạt động cách mạng quốc tế.

Tuổi trẻ của C.Mác cũng là thời kỳ ông gặp gỡ và gắn bó sâu sắc với Ph.Ăngghen - một nhà tư tưởng xuất chúng, người bạn chiến đấu thân thiết, người đồng chí thủy chung đã cùng ông xây dựng và phát triển nền tảng lý luận của chủ nghĩa cộng sản khoa học. Cuộc gặp gỡ định mệnh giữa C.Mác và Ph.Ăngghen tại Paris (năm 1844) không chỉ là sự kết nối về mặt trí tuệ, mà còn là sự đồng điệu về lý tưởng cách mạng, về khát vọng giải phóng con người khỏi mọi hình thức áp bức, bóc lột. Tình bạn và sự cộng tác bền chặt giữa hai ông đã làm nên một liên minh tri thức - hành động vĩ đại bậc nhất trong lịch sử phong trào cách mạng vô sản. Đỉnh cao của mối quan hệ ấy chính là sự ra đời tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (tháng 2-1848) - một văn kiện có ý nghĩa lịch sử to lớn, đánh dấu bước ngoặt về mặt lý luận và thực tiễn đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản toàn thế giới.

Văn kiện này không chỉ đặt nền móng cho chủ nghĩa xã hội hiện đại mà còn truyền cảm hứng cho hàng triệu người đứng lên đấu tranh vì một xã hội công bằng, không giai cấp.

Chính trong thời kỳ lưu vong ở Paris, Brussels và London, C.Mác đã kiên định theo đuổi con đường nghiên cứu, tranh đấu và tổ chức phong trào cách mạng. Dù phải sống trong điều kiện vô cùng khó khăn, bị theo dõi, trục xuất và chịu cảnh đói nghèo, ông vẫn miệt mài đào sâu các vấn đề lý luận về kinh tế chính trị tư sản, lịch sử xã hội và triết học cổ điển Đức, đặc biệt là khi ông tiếp cận và phê phán sâu sắc chủ nghĩa tư bản. Đồng thời, C.Mác tích cực xây dựng các tổ chức cách mạng, nổi bật là vai trò của ông trong *Liên đoàn những người cộng sản*, nơi ông cùng Ph.Ăngghen góp phần biến tổ chức này thành đội tiên phong lý luận cho giai cấp vô sản. Quá trình này thể hiện sự thống nhất giữa tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn, giữa tư tưởng cách mạng và tổ chức cách mạng. Tư duy của ông không ngừng được mài giũa qua trải nghiệm thực tiễn và đấu tranh giai cấp sôi động đang diễn ra trên khắp châu Âu. Với khối lượng công việc đồ sộ, từ viết báo, nghiên cứu đến vận động tổ chức, tuổi trẻ của C.Mác là minh chứng cho trí tuệ, bản lĩnh và tinh thần chiến đấu không ngừng nghỉ vì lý tưởng cộng sản.

Từ những trải nghiệm đó, C.Mác dần hoàn thiện thế giới quan duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, đặt nền móng lý luận cho toàn bộ phong trào công nhân hiện đại. Mặc dù những thành tựu lý luận ban đầu của ông phải trả giá bằng sự lưu vong, nghèo khổ, thậm chí là sự truy đuổi của nhiều chính quyền nhưng lại trở thành ánh sáng soi đường cho nhân loại tiến bộ. Tuổi trẻ của C.Mác vì vậy không chỉ là bước khởi đầu của một nhà tư tưởng lớn, mà còn là giai đoạn hình thành một nhân cách chiến đấu vì tự do, bình đẳng và tiến bộ xã hội.

## 2. Cuộc cách mạng tư duy của C.Mác

Học vấn là nền tảng nhưng lý tưởng là động lực quyết định. Nếu chỉ nhìn nhận học vấn của C.Mác như con đường học thuật thông thường, ta sẽ không thấy hết chiều sâu và tính cách mạng trong hành trình tri thức của ông. Điều làm nên sự khác biệt của C.Mác so với những học giả cùng thời chính là sự thống nhất giữa lý tưởng sống vì nhân loại với quá trình không ngừng học hỏi, phản biện và sáng tạo tri thức mới. Từ việc tiếp thu các dòng triết học cổ đại, triết học Đức đến việc vượt qua giới hạn duy tâm của Hêghen, C.Mác đã không chỉ học để biết, mà học để hành động, để biến tri thức thành công cụ cải tạo xã hội. C.Mác đã thực hiện một cuộc cách mạng thực sự trong tư duy. Cuộc cách mạng này không chỉ là sự đổi mới trong nội dung tư tưởng mà còn là sự chuyển hóa trong phương pháp nhận thức và tiếp cận hiện thực. Trên cơ sở đó, đưa ông từ một học giả trẻ trở thành người sáng lập học thuyết cách mạng toàn diện, dẫn đường cho hàng triệu người trên thế giới đấu tranh vì công lý và tự do.

Trong tiến trình tư tưởng và hoạt động của mình, C.Mác không trở thành nhà duy vật biện chứng ngay từ đầu, mà đó là kết quả của một quá trình chuyên hóa nhận thức sâu sắc, mang tính biện chứng cả về lý luận lẫn thực tiễn. Từ một thanh niên chịu ảnh hưởng sâu đậm của triết học duy tâm Hêghen, C.Mác từng bước vượt qua giới hạn trừu tượng của phép biện chứng duy tâm, hướng tới việc xây dựng thế giới quan duy vật khoa học, đặt nền tảng cho chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa cộng sản khoa học. Trong đó, bước ngoặt tư tưởng vào khoảng năm 1843, khi C.Mác viết *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen* - là dấu mốc mang tính bản lề đánh dấu sự trưởng thành rõ nét trong tư duy triết học của ông.

Vào cuối những năm 1830, đầu những năm 1840, C.Mác là thành viên của nhóm “Hêghen trẻ” - những trí thức cấp tiến chủ trương phê phán nhà nước, tôn giáo và xã hội đương thời từ góc độ triết học. C.Mác từng chịu ảnh hưởng sâu sắc từ phép biện chứng Hêghen - hệ thống lý luận vĩ đại xem lịch sử như sự phát triển tự thân của tinh thần tuyệt đối qua các giai đoạn mâu thuẫn và giải quyết mâu thuẫn. Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu và quan sát thực tiễn xã hội Phổ đương thời, C.Mác dần nhận ra giới hạn của phép biện chứng duy tâm này.

Tác phẩm *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen* (năm 1843) khi C.Mác mới 25 tuổi là cột mốc đánh dấu sự chuyển biến mạnh mẽ trong tư tưởng triết học của ông. Ở đây, C.Mác đã chuyển từ tư duy duy tâm sang tư duy duy vật, từ phép biện chứng Hêghen sang phép biện chứng duy vật mà chính ông là người khai sáng. Trong *Lời nói đầu* của tác phẩm, C.Mác không chỉ phê phán nhà nước Phổ mà còn đặt vấn đề một cách biện chứng: “Việc phê phán triết học Đức về nhà nước và pháp quyền [...] vừa là một sự phủ định kiên quyết nhất đối với toàn bộ hình thức đã tồn tại từ trước đến nay của ý thức chính trị và ý thức pháp quyền của Đức”<sup>2</sup>. Ông nêu rõ, nhà nước không thể là hiện thân của lý trí hay biểu tượng của cái chung như Hêghen khẳng định, mà là một thiết chế do con người tạo ra, phản ánh lợi ích của các giai cấp nhất định. Đặc biệt, ông xác định giai cấp vô sản là lực lượng duy nhất có khả năng thực hiện cách mạng xã hội để giải phóng toàn nhân loại. Lần đầu tiên C.Mác gắn kết các phạm trù triết học với thực tiễn đấu tranh giai cấp - dấu hiệu cho thấy ông không chỉ muốn “giải thích thế giới” mà còn muốn “cải tạo thế giới”. Đây chính là điểm khởi đầu cho một cuộc cách mạng tư duy có tầm vóc toàn cầu.

Dù phê phán Hêghen, C.Mác không phủ định toàn bộ di sản triết học của Hêghen. Trái lại, C.Mác kế thừa “hạt nhân hợp lý” trong phép biện chứng Hêghen, đó là tư tưởng về sự vận động thông qua mâu thuẫn, phủ định biện chứng, sự phát triển không ngừng của hiện thực. Tuy nhiên, điều khác biệt cốt lõi là ở điểm xuất phát: Hêghen bắt đầu từ “ý niệm tuyệt đối”, còn C.Mác bắt đầu từ đời sống vật chất, lao động, sản xuất và quan hệ xã hội. Ông từng viết: “Ở Hê-ghen, phép biện chứng bị lộn ngược đầu xuống đất. Chỉ cần dựng nó lại là sẽ phát hiện được cái nhân hợp lý của nó ở đằng sau cái vỏ thần bí của nó”<sup>3</sup>. Điều này không chỉ phản ánh bản lĩnh khoa học, mà còn thể hiện thái độ tri ân, kế thừa mang tính phê phán - phương pháp học tập và sáng tạo tiến bộ mà đến nay vẫn còn giá trị lý luận.

Sự trưởng thành lý luận của C.Mác không dừng lại trong giới hạn học thuật. Từ khoảng giữa năm 1843, C.Mác dần thân vào hoạt động xã hội chính trị nhiều hơn. Bị gây khó dễ tại Đức vì quan điểm phê phán, tháng 10-1843, ông cùng vợ rời Đức sang Paris - trung tâm của phong trào công nhân và các trào lưu cấp tiến. Chính tại đây, C.Mác đã gặp Ph.Ăngghen và bắt đầu bước vào giai đoạn xây dựng hệ thống lý luận cách mạng toàn diện.

Cuộc hôn nhân với Jenny cũng là một điểm nhấn trong hành trình trưởng thành của C.Mác. Không chỉ là người bạn đời, Jenny còn là người bạn đồng chí, trợ lý, cộng sự trung thành trong mọi hoạt động tư tưởng và cách mạng của C.Mác. Trong giai đoạn sống lưu vong đầy khó khăn, chính Jenny là chỗ dựa vững chắc, giúp C.Mác có điều kiện tập trung cho công việc nghiên cứu và vận động cách mạng.

Nhìn lại, giai đoạn trưởng thành của C.Mác không chỉ là bước chuyển từ triết học Hêghen sang duy vật biện chứng, mà còn là hành trình lý luận kết tinh trong thực tiễn. Ở tuổi 25,

C.Mác không chỉ hoàn tất sự chuyển hóa tư duy triết học mà còn bắt đầu hình thành hệ thống lý luận độc lập, chuẩn bị cho sự ra đời của chủ nghĩa cộng sản khoa học. Trong quá trình ấy, có ba điểm nổi bật: 1) Tư duy độc lập, không ngại phê phán những tượng đài tư tưởng lớn như Hêghen; 2) Khả năng tổng hợp tri thức nhân loại với lập trường giai cấp vô sản; 3) Ý chí biến tri thức thành hành động cách mạng, gắn liền lý luận với thực tiễn xã hội.

Như V.I.Lênin đã nhận xét rất đúng đắn: “Tất cả những cái mà xã hội loài người đã sáng tạo ra, Mác đã nghiền ngẫm lại một cách có phê phán, không hề bỏ sót ở một điểm nào [...] và C.Mác đã nêu ra được những kết luận mà những kẻ bị hạn chế trong cái khuôn khổ tư sản hay bị những thành kiến tư sản trói buộc, không thể nào rút ra được”<sup>4</sup>. Đó không chỉ là lời khẳng định trí tuệ siêu việt của C.Mác, mà còn là minh chứng cho một cuộc cách mạng lớn trong tư duy nhân loại, cuộc cách mạng đưa tri thức đến hành động, đưa lý luận đến hiện thực, và đưa con người đến gần hơn với mục tiêu tự do, bình đẳng và hạnh phúc.

Năm 1845, C.Mác và Ph.Ăngghen xuất bản tác phẩm *Gia đình thần thánh*, công trình phê phán nhóm Hêghen trẻ, đặc biệt là Bruno Bauer (1809-1882). Hai ông phản đối quan niệm thần thánh hóa tinh thần, tôn giáo mà bỏ qua các vấn đề hiện thực như bóc lột lao động hay bất công xã hội. Họ khẳng định, ý thức không sản sinh ra con người, mà chính điều kiện vật chất mới quyết định hình thành tư duy. Đây là khởi đầu cho sự hình thành chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Mùa Xuân năm 1845, C.Mác viết *Luận cương về Phoiơbắc* - bản tuyên ngôn triết học ngắn gọn nhưng có sức mạnh tư tưởng sâu sắc. Ông phê phán cả chủ nghĩa duy tâm lẫn chủ nghĩa duy vật trừu tượng. Với luận điểm: “Các nhà triết học đã chỉ *giải thích* thế giới bằng

nhiều cách khác nhau, song vấn đề là cải tạo thế giới”<sup>5</sup>, C.Mác nêu bật vai trò của thực tiễn, mở đường cho phương pháp luận cách mạng mới, gắn chặt lý luận với hành động thực tiễn.

Tiếp đó, trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức* (1845-1846), C.Mác và Ph.Ăngghen tiếp tục phản bác triết học duy tâm Hêghen, chủ nghĩa duy vật không triệt để của Phoiobác. Hai ông xác lập luận điểm cốt lõi: “Không phải ý thức quyết định đời sống, mà chính đời sống xã hội quyết định ý thức”<sup>6</sup>. Đây là tuyên ngôn của chủ nghĩa duy vật lịch sử, khẳng định vai trò quyết định của điều kiện vật chất và tồn tại xã hội đối với tư tưởng con người. Như vậy, C.Mác đã xây dựng hệ thống lý luận mang tính biện chứng, khoa học và cách mạng.

Năm 1847, C.Mác viết *Sự khôn cùng của triết học*, nhằm phản bác triết học của sự khôn cùng của Pru-đông (Proudhon). Trong khi Pru-đông, một nhà tư tưởng tiêu tư sản cho rằng, bất công xã hội bắt nguồn từ sự trao đổi không công bằng và có thể giải quyết bằng cách điều chỉnh giá cả, thì C.Mác phản bác kịch liệt. Ông cho rằng nguồn gốc thực sự của bất công nằm ở quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, nơi giá trị thặng dư (phần giá trị bị chiếm đoạt từ lao động công nhân) bị giai cấp tư sản chiếm đoạt.

Từ việc phê phán triết học trừu tượng đến phân tích kinh tế xã hội hiện thực, hành trình tư duy của C.Mác giai đoạn này là một chuỗi đấu tranh liên tục với những hình thức tư tưởng lỗi thời và thiếu tính giải phóng. Quan trọng hơn, C.Mác không chỉ dừng lại ở lý luận mà ông còn thể hiện tinh thần hành động kiên quyết, luôn đấu tranh đến cùng cho sự thật, cho chân lý cách mạng. Trong ông, tri thức luôn đi liền với trách nhiệm xã hội. Tinh thần đấu tranh ấy không chỉ giới hạn trong tư tưởng mà còn hiện rõ trong lối sống của ông. Dù sống lưu vong, nghèo túng, C.Mác vẫn không từ bỏ nghiên cứu, vẫn kiên định với

con đường cách mạng. Ông không sống vì danh lợi cá nhân mà vì lý tưởng giải phóng toàn thể nhân loại.

Như vậy, giai đoạn 1845-1847 đánh dấu một bước ngoặt lớn trong tư tưởng của C.Mác. Ông không chỉ dám phê phán, nghi ngờ những gì đã có, mà còn dám vượt qua chính mình để xây dựng một nền tảng học thuyết mới khoa học, cách mạng và đầy tính nhân văn. Đó không chỉ là di sản quý báu mà ông để lại cho phong trào cộng sản quốc tế mà còn là tấm gương về tinh thần đấu tranh, tư duy độc lập và khát vọng cải tạo thế giới.

Đỉnh cao của hành trình tuổi trẻ đầy hoài bão và đấu tranh của C.Mác là sự ra đời tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (năm 1848) do C.Mác và Ph.Ăngghen soạn thảo, Liên đoàn những người cộng sản đã thông qua vào tháng 2-1848. Tuyên ngôn đã khẳng định, Đảng Cộng sản là người lãnh đạo, đại biểu cho lợi ích của giai cấp vô sản và toàn thể nhân dân lao động, không phân biệt nghề nghiệp, địa phương, dân tộc và mang tính quốc tế. Đây là văn kiện mang tính lịch sử, soi sáng cho giai cấp công nhân toàn thế giới đấu tranh để thoát khỏi chế độ tư bản chủ nghĩa và đưa cách mạng vô sản đến thắng lợi, đồng thời là cột mốc đánh dấu sự chín muồi trong tư tưởng cách mạng của C.Mác (khi ông tròn 30 tuổi). Tuyên ngôn đã phân tích một cách sâu sắc vai trò của đấu tranh giai cấp trong lịch sử xã hội loài người - cuộc đấu tranh giữa những người bị áp bức và những kẻ áp bức - là động lực chủ yếu của sự phát triển lịch sử. Trên cơ sở đó, làm nổi bật chân lý: “Lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước đến ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp”<sup>7</sup>. Tuyên ngôn chỉ rõ khái niệm chuyên chính vô sản và nhà nước vô sản, những quy luật chủ yếu của cuộc cách mạng vô sản, con đường, biện pháp và những điều kiện thiết yếu để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh

lịch sử của mình. C.Mác và Ph.Ăngghen đi đến kết luận: “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”<sup>8</sup>. Khẩu hiệu bất hủ kết thúc Tuyên ngôn: “VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, ĐOÀN KẾT LẠI!”<sup>9</sup> luôn vang mãi trong trái tim, khối óc của những người cộng sản vì sự nghiệp giải phóng người lao động, vì sự phát triển toàn diện và tự do của con người.

Sau cách mạng năm 1848, C.Mác bị trục xuất khỏi Bỉ, rồi quay lại Đức một thời gian và cuối cùng định cư ở Anh (năm 1849) và sống đến cuối đời. Ngày 14-3-1883, C.Mác qua đời ở London và được an táng tại nghĩa trang Highgate, Bắc London<sup>10</sup>.

### 3. Giá trị lý luận và thực tiễn

*Thứ nhất*, làm thay đổi cách tiếp cận hiện thực xã hội: Từ chỗ lý giải các hiện tượng xã hội bằng những phạm trù trừu tượng, C.Mác đặt con người và điều kiện vật chất của đời sống xã hội vào vị trí trung tâm. Tư duy ấy giúp con người nhận ra rằng, bất công, bóc lột không phải là do ý niệm hay định mệnh, mà là sản phẩm của các quan hệ giai cấp cụ thể trong một phương thức sản xuất nhất định.

*Thứ hai*, C.Mác đã đưa triết học về với đời sống, phục vụ đấu tranh, phát triển xã hội. Ông không chỉ muốn “giải thích thế giới” mà còn muốn “thay đổi thế giới”. Triết lý đó là kim chỉ nam cho các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, phong trào công

nhân và phong trào xã hội trên toàn cầu suốt hơn một thế kỷ qua.

*Thứ ba*, C.Mác đã thiết lập phương pháp luận khoa học để nhận thức và cải biến xã hội: Phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Đây không chỉ là một bước tiến trong triết học, mà còn là công cụ lý luận soi sáng con đường đấu tranh cho giai cấp công nhân và các lực lượng tiên bộ.

*Thứ tư*, cuộc cách mạng tư duy ấy giúp mỗi con người nhận thức lại vai trò của mình trong lịch sử. Con người, trong tư tưởng của C.Mác không còn là sản phẩm bị động của hoàn cảnh mà là chủ thể tích cực, tạo nên lịch sử thông qua thực tiễn sống động. Chính trong quá trình cải biến hoàn cảnh, con người cũng tự cải biến chính mình, vươn tới sự giải phóng toàn diện cả về vật chất lẫn tinh thần.

*Tóm lại*, tuổi trẻ của C.Mác gắn liền với lý tưởng và hành động, là minh chứng cho sự trưởng thành của hệ tư tưởng cách mạng thông qua sự chuyển hóa tư duy đầy tính biện chứng. Từ một thanh niên yêu triết học đến người xây dựng lý luận cách mạng, hành trình ấy chính là sự kết hợp giữa tư duy phân biện và hành động xã hội - giữa tư duy cách mạng và cuộc cách mạng tư duy. Những dấu chân tuổi trẻ ấy, dù trải qua bao thế kỷ, vẫn còn vang vọng trong dòng chảy của lịch sử, truyền cảm hứng sâu sắc cho tuổi trẻ các thế hệ mai sau dám nghĩ, dám đấu tranh và dấn thân vì lý tưởng ■

<sup>1</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, t.40, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2000, tr.18.

<sup>2</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen, *Sđd*, t.1, 1995, tr.579.

<sup>3</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen, *Sđd*, t.20, 1994, tr.494.

<sup>4</sup> V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.41, Nxb. Tiến bộ, Matxcova, 1977, tr.361.

<sup>5,6</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen, *Sđd*, t.3, 1995, tr.12, 38.

<sup>7,8,9</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen, *Sđd*, t.4, 1995, tr.596, 613, 646.

<sup>10</sup> Xem: *Các Mác và những cống hiến mang tính thời đại*, <https://baohatinh.vn>, ngày 5-5-2025.